

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2022/HS-ST**

Ngày: 16-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Huyền

2. Ông Lý Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lý Tuyết N (Tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 15/02/1967 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 13-QĐ/UBKTHU, ngày 18/7/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy N; Con ông Lý Văn P và bà Triệu Thị D (đều đã chết); Bị cáo có chồng là Lý Văn Q (đã chết) và 03 con đẻ, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1990, 02 người con nuôi; Tiền án, tiền sự: Không.

2. Triệu Thị T; (Tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 05/4/1993 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn B, sinh năm 1969 và bà Bàn Thị N, sinh năm 1969; Bị cáo có chồng là Lý Đình H, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/05/2022 đến ngày 18/06/2022. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Địa chỉ: Khu I, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Tấn T1, sinh năm 1976 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Theo văn bản số 1003/UBND-NN&PTNT, ngày 05/5/2022 của UBND huyện N). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10 đến ngày 12/12/2021 Trạm kiểm lâm Trung tâm thuộc Hạt kiểm lâm huyện N phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn tiến hành kiểm tra phát hiện một phần diện tích rừng bị phát phá trái phép tại các lô 15 và lô 21, khoảnh 7, tiểu khu 152 là rừng tự nhiên sản xuất thuộc thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00326QSDD/428/QĐ/UB/2001 ngày 15/11/2001 cho hộ ông Lý Đình C, trú tại thôn S (nay là thôn P), xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 12/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, tiến hành đo diện tích rừng bị hủy hoại, sử dụng thiết bị định vị vệ tinh (GPS), phần mềm vTools Survey, hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000 do Hạt kiểm lâm huyện N cung cấp, xác định diện tích rừng bị phát phá trái phép là 9.391m^2 thuộc các lô 15 và lô 21, khoảnh 7, tiểu khu 152, trong đó: lô 15 là 9.084m^2 , lô 21 là 307m^2 đều là rừng sản xuất tự nhiên, theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2018 xã T, huyện N được rà soát, điều chỉnh bổ sung theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Trên bề mặt diện tích này các cây đều bị chặt hạ toàn bộ, nằm rải rác tại hiện trường, các cây thân gỗ, cây vầu tự nhiên bị cắt đổ ngổ ngang về nhiều hướng, các vết cắt này đều sắc gọn có để lại phần gốc nhô lên trên mặt đất với nhiều kích thước khác nhau. Lâm sản bị thiệt hại tại hiện trường qua đo, đếm xác định có 190 cây gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII khối lượng $37,756\text{ m}^3$ và 4.972 cây vầu tự nhiên.

Tại Công văn số 430/CCKL-QLBVR ngày 22/4/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Kạn xác định: vị trí phát phá rừng trái phép nêu trên tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thuộc các lô 15 và lô 21, khoảnh 7, tiểu khu 152 loại rừng là rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên, theo Bản đồ Quy hoạch 3 loại rừng xã T, huyện N kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Tổng giá trị của các loại tài sản tại hiện trường thôn P, xã T thời điểm xảy ra vụ việc tháng 12/2021 là **10.037.200 đồng** (mười triệu không trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng), trong đó: gỗ tròn $37,756\text{ m}^3 \times 200.000\text{ đồng/m}^3 = 7.551.200\text{ đồng}$; cây vầu $4.972\text{ cây} \times 500\text{ đồng/cây} = 2.486.000\text{ đồng}$.

Quá trình điều tra xác định đầu tháng 12/2021 Lý Tuyết N, sinh năm 1967 (mẹ của Lý Đình C) và Triệu Thị T, sinh năm 1993 (con dâu bà N) sinh sống cùng một gia đình tại Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đến khu rừng trên phát rừng trái phép mục đích lấy đất tự canh tác trồng cây lúa nương, cây thạch đen. Vị trí khu rừng phát phá đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/11/2001 cho hộ ông Lý Đình C, trú tại thôn S (nay là thôn P), xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Lý Tuyết N và Triệu Thị T khai nhận: khu rừng trên đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình, người đứng tên là Lý Đình C vào năm 2001, đến khoảng năm 2007 anh C chuyển vào miền Nam sinh sống và giao lại toàn bộ diện tích rừng cho bà N và gia đình tiếp tục quản lý cho đến nay. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khu vực gia đình bà N và người dân sinh sống tại thôn P có địa hình đồi núi dốc, ruộng ít, không có nước, thiếu đất sản xuất canh tác, nên đầu tháng 12/2021 bà N và chị T đã cùng nhau thống nhất phát rừng để lấy đất canh tác cho gia đình, bà N và chị T mỗi người dùng một con dao đi đến khu vực rừng trên phát bụi cỏ, dây leo, chặt những cây nhỏ từ dưới sườn đồi đi lên. Sau đó, còn một số cây gỗ tự nhiên có kích thước lớn không thể dùng dao chặt hạ được thì bà N thuê hai người dân tộc Mông (không rõ họ, tên, địa chỉ) dùng máy cưa xăng của gia đình bà N cắt đổ trên diện tích rừng đã phát quang, với số tiền công 200.000 đồng/ngày/người trong hai ngày. Quá trình phát phá, N và T không xin phép cá nhân, cơ quan chức năng nào, trước khi phát khu rừng có các cây thân gỗ kích thước to nhỏ khác nhau, đang sống mọc kín xen lẫn cây vầu, rải đều trên diện tích rừng, các cây này không có giá trị kinh tế, toàn bộ cây tự nhiên sau khi phát phá để trên rừng tự khô héo, rồi đốt để tăng độ màu mỡ cho đất và dọn dẹp lấy mặt bằng canh tác. Đến ngày 10/12/2021 bị cơ quan chức năng phát hiện lập biên bản về việc phá rừng trái phép.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSNS, ngày 10 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Lý Tuyết N và Triệu Thị T về tội: “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lý Tuyết N và Triệu Thị T phạm tội “Hủy hoại rừng”. Đề nghị xử lý các bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Lý Tuyết N và Triệu Thị T mỗi bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Giao các bị cáo cho UBND xã T, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Số lâm sản còn lại quá trình điều tra, công an huyện N đã bàn giao cho UBND huyện N xử lý theo thẩm quyền nên không đề nghị xem xét.

Tịch thu tiêu hủy: 02 con dao bằng kim loại màu đen, dạng dao (quắm) một lưỡi, đã qua sử dụng; Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) máy cưa lốc chạy bằng xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, lưỡi lam và xích đã bị tháo rời, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội để áp dụng hình phạt đối với các bị cáo. Xét mục đích phát phá rừng là để có đất canh tác, phát triển kinh tế gia đình. Cả hai bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, gia đình có con nhỏ chưa thành niên. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị xử phạt các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lý Tuyết N và Triệu Thị T khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Các bị cáo, không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận hay khiếu nại gì. LỜI sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng tại hiện

trường, công cụ dùng để phát phá rừng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Đầu tháng 12/2021 tại các lô 15 và lô 21, khoảnh 7, tiểu khu 152 thuộc Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2018 xã T, huyện N được rà soát, điều chỉnh bổ sung theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn, các bị cáo Lý Tuyết N và Triệu Thị T sinh sống cùng một gia đình trú tại Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã thống nhất và cùng nhau dùng dao phát phá trái phép diện tích rừng, thuê hai người dân tộc Mông (không rõ họ tên, địa chỉ) dùng máy cưa xăng của gia đình cắt hạ một số cây tự nhiên có kích thước lớn mọc rải rác trên diện tích rừng các bị cáo đã phát phá. Diện tích rừng các bị cáo đã phát phá trái phép là 9.391m² thuộc rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên, lâm sản bị thiệt hại là 190 cây gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII khối lượng 37,756 m³ và 4.972 cây vầu, có tổng giá trị 10.037.200 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo Lý Tuyết N, Triệu Thị T về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Trong vụ án này, hai bị cáo là đồng phạm, tuy nhiên, tính chất đồng phạm là giản đơn, hai bị cáo đều cùng bàn bạc và đều có vai trò là người thực hành. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở cùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thiếu đất canh tác, mục đích phát phá rừng là để có đất trồng lúa nương, thạch đen phục vụ cuộc sống, phát triển kinh tế gia đình nên đã có hành vi chặt phá, xâm phạm đến rừng tự nhiên.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lý Tuyết N được Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ tặng Kỷ niệm chương vì sự phát triển của phụ nữ Việt Nam, được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển các dân tộc, có bố đẻ là ông Lý Văn P được Chính phủ tặng Bằng khen do đã góp công trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc; bị cáo Triệu Thị T có mẹ chồng bà Lý Tuyết N được tặng nhiều kỷ niệm chương, có ông ngoại Bàn Tiến B được Hội đồng nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng Nhất; các bị cáo được người đại diện của nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện N xin giảm nhẹ hình phạt, do đó, xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo

Về hình phạt chính: Xét tính chất hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương. Việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội. Hình phạt Viện kiểm sát, người bào chữa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Xét gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo; mục đích của các bị cáo hủy hoại rừng là để trồng cây phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra không có mục đích nào khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn yêu cầu ngày 09/6/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo Bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện N và khắc phục hậu quả trồng lại rừng trên diện tích bị phát phá. Các bên đã tự thỏa thuận với nhau về vấn đề khắc phục hậu quả trồng lại rừng trên diện tích đất trống không có cây mọc tái sinh. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự rút yêu cầu, không đề nghị các bị cáo phải bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: 01 (một) máy cưa lóc là vật chứng có giá trị cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước; 02 (một) con dao là vật chứng không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Số lâm sản để tại hiện trường gồm: 190 cây gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII khối lượng 37,756 m³ và 4.972 cây vầu, Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao cho Ủy

ban nhân dân huyện N quản lý xử lý theo thẩm quyền. Xét thấy, việc bàn giao trên là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí nên các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[8] Đối với hai người dân tộc Mông (không rõ họ tên, địa chỉ) được bị cáo N thuê trả tiền công để dùng máy cưa xăng cắt hạ các cây gỗ có kích thước lớn trên diện tích rừng các bị cáo đã phát phá trái phép mà không thể dùng dao chặt hạ được, do không xác định được họ tên, địa chỉ hai người này, Cơ quan điều tra Công an huyện Ngân Sơn không có căn cứ xác minh, xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Lý Tuyết N, Triệu Thị T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

[2] Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 243, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lý Tuyết N 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 243, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Triệu Thị T 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lý Tuyết N và Triệu Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Tịch thu hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) máy cưa lóc chạy bằng xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, lưỡi lam và xích đã bị tháo rời; Lam bằng kim loại đã han rỉ dài 69cm, bản rộng nhất 08 cm, xích dài 1,82m màu đen bám dính nhiều dầu mỡ, máy cũ đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen, dạng dao (quắm) một lưỡi, dài 32cm, bản rộng nhất 3,7 cm, phần chuôi dao dài 9,5cm, đường kính 3,4cm, được tra cán bằng gỗ dài 16,5cm, dao cũ đã qua sử dụng (trên thân dao có ghi chữ Lý Tuyết N)

- 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen, dạng dao (quắm) một lưỡi, dài 35,5 cm, bản rộng nhất 5,2 cm, phần chuôi dao dài 11cm, đường kính 3,3 cm, được tra cán bằng gỗ dài 21,5cm, dao cũ đã qua sử dụng (trên thân dao có ghi chữ Triệu Thị T)

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 19/7/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lý Tuyết N, Triệu Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[5] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã T;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ